TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10 – VĨNH LONG** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 205/2026/QĐST-DS	*Vĩnh Long, ngày 03 tháng 8 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 25 tháng 7 năm 2026, về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 255/2026/TLST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2025 về việc "*Tranh chấp quyền sử dụng đất*".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thành L**, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1975; Địa chỉ: số B P, khóm B, phường N, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị L1**, sinh năm 1945.

Bà **Nguyễn Thị Đ** (con bà L1).

Bà **Nguyễn Thị P** (con bà L1).

Bà **Nguyễn Thị Mỹ L2** (con bà L1).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Huỳnh Tuấn E**, sinh năm 1989; Địa chỉ: khóm A, phường N, tỉnh Vĩnh Long.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông **Nguyễn Thanh H1**, sinh năm 1974. (con ông L)

Địa chỉ: Ấp X, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

2/ Bà **Nguyễn Thị Lệ H2**, sinh năm 1972. (con ông L)

3/ Bà **Nguyễn Thanh C**, sinh năm 1974. (con ông L)

4/ Bà **Nguyễn Thị Hồng M**, sinh năm 1985. (con ông L).

Cùng địa chỉ: Ấp Đ, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Thanh H**, sinh năm 1975; Địa chỉ: số B P, khóm B, phường N, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Nguyễn Thanh H, ông Nguyễn Thành L, ông Nguyễn Thanh H1 và đại diện bị đơn ông Huỳnh Tuấn E, bà Nguyễn Thị P, bà Nguyễn Thị Mỹ L2, bà Nguyễn Thị Đ thỏa thuận thống nhất:

Bà Nguyễn Thị L1, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Mỹ L2 đồng ý chấm dứt hành vi cản trở hộ ông Nguyễn Thành L sử dụng thửa đất số 1645, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp Đ, xã H, tỉnh Vĩnh Long.

Hộ ông Nguyễn Thành L, ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Lệ H2, bà Nguyễn Thị Hồng M, ông Nguyễn Thanh C tự nguyện giao cho bà Nguyễn Thị L1 quyền sử dụng đất diện tích 80,1m^2 trong đó gồm 50m^2 đất thổ cư và 30,1m^2 đất cây lâu năm thuộc một phần thửa đất số 1645, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp Đ, xã H, tỉnh Vĩnh Long (gồm phần E, phần D trong sơ đồ khu đất kèm theo công văn 584/CNKV12 –KT ngày 30/6/2026 của Văn phòng Đ1, tỉnh Vĩnh Long).

Bà Nguyễn Thị L1 có nghĩa vụ hoàn trả cho hộ ông Nguyễn Thành L, ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Lệ H2, bà Nguyễn Thị Hồng M, ông Nguyễn Thanh C giá trị chênh lệch tiền chuyển mục đích sử dụng 50m^2 đất thổ cư là 28.250.000 đồng và giá trị thị trường phần đất vị trí E là 33.800.000 đồng. Tổng cộng bà Nguyễn Thị L1 có nghĩa vụ trả cho hộ ông Nguyễn Thành L, ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Lệ H2, Nguyễn Thị Hồng M, Nguyễn Thanh C là 62.050.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị L1 được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất đã thỏa thuận trên theo quy định.

Hộ ông Nguyễn Thành L, ông Nguyễn Thanh H1, bà Nguyễn Thị Lệ H2, bà Nguyễn Thị Hồng M, ông Nguyễn Thanh C được quyền liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất còn lại của thửa đất số 1645, tờ bản đồ số 7, tọa lạc tại ấp Đ, xã H, tỉnh Vĩnh Long theo quy định.

(Kèm theo sơ đồ khu đất).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền còn phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Nguyên đơn được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn bà Nguyễn Thị L1 được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Thị P, Nguyễn Thị Mỹ L2 mỗi người phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí tố tụng là 4.000.000 đồng. Nguyên đơn phải chịu 2.000.000 đồng. Bị đơn phải chịu 2.000.000 đồng. Do nguyên đơn đã nộp tạm

ứng chi phí tố tụng trước là 7.000.000 đồng nên bị đơn có nghĩa vụ hoàn lại cho nguyên đơn số tiền 2.000.000 đồng.

Nguyên đơn được hoàn trả số tiền chi phí tố tụng còn thừa là 3.000.000 đồng tại Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 34, 36, 71, 72 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

**** Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSNDKV10;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Giáp Trà Giang